TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2022
Về "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương

2. Bà Lương Viễn Tú

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Quyên- Cán bộ Toà án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 163/2021/TLST- HNGĐ ngày 20/4/2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-DS ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà NTP, sinh năm 1979; địa chỉ: x/x/x đường xxx, Phường x, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Bị đơn: Ông ĐVL, sinh năm 1965; địa chỉ thường trú: x đường xx, Phường x, Quận x1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: x Lô x Chung cư x, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

NHẬN THẤY:

-Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19/4/2021, bản tự khai ngày 10/5/2021, biên bản hòa giải ngày 10/5/2021, ngày 17/12/2021 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà NTP trình bày:

Bà P và ông ĐVL chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai người có 03 (ba) con chung. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẩn do ông L không còn tin tưởng Bà P về mặt tình cảm, hai người bất đồng quan điểm sống. Bà P và ông L đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay Bà P nhận thấy không còn tình cảm với ông L nữa, đời sống chung không thể kéo dài, 02 con lớn đã trưởng thành, bà đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 không công nhận quan hệ giữa bà và ông ĐVL là vợ chồng.

Về con chung: có 03 (ba) con chung là chị ĐTTH, nữ, sinh ngày: 08/6/2001, chị ĐTTHi, nữ, sinh ngày: 22/02/2003 và em ĐTTHa, nữ, sinh ngày: 23/12/2007.

Chị H và Chị Hi đã thành niên, phát triển bình thường, Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Em Ha còn nhỏ, Bà P yêu cầu giao cháu Ha cho ông L nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại bản tự khai ngày 10/5/2021, biên bản hòa giải ngày 10/5/2021, bị đơn - ông ĐVL trình bày:

Ông thừa nhận những nội dung mà Bà P đã trình bày về mối quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng, ông L xác định nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cách sống không hợp nhau. Cả hai đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay Bà P đề nghị ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông, ông đồng ý ly hôn vì tình cảm của ông đối với Bà P không còn, có trở về chung sống cũng không còn hạnh phúc.

Về con chung: có 03 (ba) con chung là chị ĐTTH, nữ, sinh ngày: 08/6/2001, chị ĐTTHi, nữ, sinh ngày: 22/02/2003 và em ĐTTHa, nữ, sinh ngày: 23/12/2007. Chị H và Chị Hi đã thành niên, phát triển bình thường, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Em Ha còn nhỏ, ông L yêu cầu được nuôi cháu Ha và không yêu cầu Bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo đúng thời gian về việc tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn và thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà NTP và ông ĐVL. Giao con chung là trẻ ĐTTHa cho ông L nuôi dưỡng và Bà P không cấp dưỡng nuôi con.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà NTP yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông ĐVL là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L có hộ khẩu thường trú tại 386 Tân Phước, Phường 7, Quận 11 và hiện đang tạm trú tại 115 Lô J, chung cư Tân Phước, Phường 7, Quận 11 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Bà NTP và ông ĐVL tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999. Tuy nhiên từ đó cho đến nay, Bà P và ông L vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẩn và kéo dài ngày một tăng lên. Nguyên nhân mâu thuẩn là do ông L không còn tin tưởng Bà P về mặt tình cảm, bất đồng quan điểm sống. Ông L cũng thừa nhận sự việc này, do đó Bà P có đơn đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng là có cơ sở vì Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6 và Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 11 cũng đã xác nhận thông tin về việc Bà P và ông L không có đăng ký kết hôn tại địa phương.

Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng…". Hội đồng xét xử xét thấy giữa Bà P với ông L sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẩn trong một thời gian dài, nay cả hai xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà P, tuyên bố không công nhận bà NTP và ông ĐVL là vợ chồng.

[3].Về con chung: có 03 (ba) con chung là chị ĐTTH, nữ, sinh ngày: 08/6/2001, chị ĐTTHi, nữ, sinh ngày: 22/02/2003 và em ĐTTHa, nữ, sinh ngày: 23/12/2007. Chị H và Chị Hi đã đủ tuổi thành niên, phát triển bình thường, có khả năng lao động và nhận thức, Bà P và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà P và ông L thống nhất thỏa thuận giao trẻ ĐTTHa, nữ, sinh ngày: 23/12/2007 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu Bà P cấp dưỡng nuôi con. Bà P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở Bà P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về án phí: Bà NTP chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 235; 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hôi quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTP. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà NTP và ông ĐVL.

2. Về con chung: Bà P và ông L có 03 (ba) con chung là chị ĐTTH, nữ, sinh ngày: 08/6/2001, chị ĐTTHi, nữ, sinh ngày: 22/02/2003 và em ĐTTHa, nữ, sinh ngày: 23/12/2007. Chị H và Chị Hi đã đủ tuổi thành niên, phát triển bình thường, có khả năng nhận thức và lao động, ông L và Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao trẻ ĐTTHa, nữ, sinh ngày: 23/12/2007 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu Bà P cấp dưỡng nuôi con.

Bà P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở Bà P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà NTP chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà P đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052867 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà NTP và ông ĐVL được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận 11;
-CCTHADS quận 11;
-Các đương sự;
-Lưu VT, HS.

Trần Thị Vũ Vân